TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/DS-PT
Ngày 04-9-2024
V/v: Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất bị lấn, chiếm; Tháo dỡ công trình vật kiến trúc trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên.**

Các Thẩm phán: Bà **Ngô Thị Trang**

Bà **Phạm Thị Anh Trang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Mai Ngọc Khương** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Ông **Nguyễn Văn Thắng** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm số 52/2024/TLPT-DS ngày 26/7/2024 về việc: "*Tranh chấp kiện đòi quyền sử dụng đất bị lấn, chiếm; Tháo dỡ công trình trên đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐ-PT ngày 08/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/QĐPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Ng, sinh năm: 1963; (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tri Thủy 2, xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Ng: Ông Đỗ Văn D, sinh năm: 1959; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 54 Hùng Vương, phường Mỹ Hương, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn:

1. Ông Lâm Văn C, sinh năm: 1972; (Có mặt)

2. Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1970; (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt đề ngày 03/9/2024)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H: Ông Trần Văn N, sinh năm: 1966. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Tri Thủy 2, xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1985; (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tri Thủy 2, xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

2. Ông Lê Xuân Đ, sinh năm: 1995; (Vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1965;

Cùng địa chỉ: Thôn Tri Thủy 2, xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

4. Bà Lê Thị Ngọc Ch, sinh năm: 1989; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 263/36 Tô Ngọc Vân, phường Linh Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

5. Ủy ban nhân dân xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt)

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2020 của ông Lê Văn Ng và trong quá trình tố tụng tại cấp cơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Văn D trình bày:

Ông Lê Văn Ng có 01 mảnh đất khoảng 5200m^2 tọa lạc tại giếng nước uống cũ, trong đó diện tích 2849m^2 đã được Ủy ban nhân dân (sau đây ghi tắt là UBND) huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây ghi tắt là GCNQSDĐ) số vào sổ 15718 ngày 25/02/2000, ông sử dụng làm đìa tôm, diện tích còn lại ông dùng để chứa đất. Vào năm 1998, phong trào nuôi tôm thịnh hành, vì đất nằm phía bên trong không có nước mặn chạy vào nên ông có nhờ ông Phan Văn Th – người cùng thôn – gặp ông T (là chủ sở hữu đất phía ngoài) nhờ mua vài mét đìa làm đường. Ông Tú nói đã giao lại cho ông Lâm quản lý nên ông gặp ông L, hai bên thương lượng: Ông L đồng ý bán đường mương để lấy nước mặn với diện tích 100m^2 (5mx20m) theo chiều đìa của ông Lâm cho ông với giá 01 cây vàng. Đến năm 2003, nguồn nước Đầm Nại bị ô nhiễm, hơn nữa đất chứa quá cao nên sạt xuống đìa. Do đó, ông sang lắp phần đìa của mình cho đến nay. Gần đây, ông Lâm Văn C mua lại đìa của ông T để canh tác. Ông C trực

tiếp xây dựng nhà ở đó và tự ý phá hết hiện trạng trên lồng mương và lấp luôn hộc đìa của ông. Một thời gian sau, ông phát hiện ông C lấn chiếm đất của ông. Ngày 18/9/2019, ông làm đơn khiếu nại gửi đến UBND xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, kết quả hòa giải không thành.

Nay, ông Lê Văn Ng yêu cầu Tòa án buộc ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H phải trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm của ông gồm tổng diện tích 138m^2 (đường mương 90m^2, diện tích xây dựng nhà 48m^2) và buộc ông Lâm Văn C phải tháo dỡ toàn bộ diện tích xây dựng nhà đã lấn chiếm là 48m^2 để trả lại hiện trạng như ban đầu cho ông Lê Văn Ng. Trong 48m^2 diện tích đất đang tranh chấp thì có 1/3 diện tích ông Lê Văn Ng đã tặng cho người em vợ là Nguyễn Thanh B, nhưng hai bên không lập văn bản. Giữa ông Lê Văn Ng và ông Nguyễn Thanh B nếu có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ kiện khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Văn D thay đổi nội dung khởi kiện: Buộc vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H phải trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm của ông Can là 155m^2 (đường mương 102m^2, diện tích xây dựng nhà 53m^2) và buộc ông Lâm Văn C phải tháo dỡ toàn bộ diện tích xây dựng nhà đã lấn chiếm là 53m^2 để trả lại hiện trạng đất như ban đầu cho ông Lê Văn Ng.

Trong quá trình tố tụng tại cấp cơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn N trình bày:

Năm 2018, vợ chồng ông Lâm Văn C có nhận chuyển nhượng thửa đất số 187, tờ bản đồ số 22, diện tích 2031m^2 và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 22, diện tích 3521m^2, mục đích đất nuôi trồng thủy sản của ông Trần Ngọc T với số tiền là 350.000.000đồng. Diện tích nhận chuyển nhượng của ông T gồm toàn bộ diện tích đất đìa và có 01 cái chòi đìa ở trên đất. Ngày 25/7/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp GCNQSDĐ số CM 448236 cho vợ chồng ông Lâm Văn C đối với thửa đất số 187, tờ bản đồ số 22, diện tích 2031m^2 và cấp GCNQSDĐ số CM 448235 đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 22, diện tích 3521m^2.

Năm 2019, vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H xây dựng nhà cấp 4 trên cơ sở chòi đìa nuôi tôm và bờ đìa trong phần đất của vợ chồng ông Lâm Văn C. Nhưng đến khoảng tháng 3/2021, ông Lê Văn Ngọc cho rằng vợ chồng ông Lâm Văn C lấn chiếm đất của ông Lê Văn Ng nhưng không có cơ sở vì đất của ông Lê Văn Ng là đất đìa, có thời hạn sử dụng đến tháng 12 năm 2019 nhưng hết

thời hạn quy định ông Lê Văn Ng không đăng ký để được sử dụng tiếp mà cho san lấp từ trước và chuyển nhượng cho nhiều người để xây dựng nhà ở. Căn nhà cấp 4 của vợ chồng ông xây dựng nằm hết trên cơ sở chòi và bờ đìa của ông, hoàn toàn không xâm phạm đến đất của ông Ng nên vợ chồng ông C, bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình tố tụng tại cấp cơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Ông là em vợ của ông Lê Văn Ng. Năm 2008, ông có mua bằng giấy tay diện tích khoảng 120m^2 đất của ông Lê Văn Ng (6mx20m) diện tích đất giáp với đất của ông Lâm Văn C đã xây dựng nhà, với số tiền là 10.000.000đồng. Thời điểm ông mua đất thì vợ chồng ông Lâm Văn C vẫn còn thuê đất đìa của ông Trần Ngọc T để làm tôm. Sauk hi nhận chuyển nhượng đất của ông Lê Văn Ng, ông có ra cắm cọc nhưng ông Lâm Văn C có nói ông đừng có cắm cọc ở mặt trước để ông Lâm Văn C đi khỏi vướng và còn nói thêm "đất của em thì xẫn là của em". Khi ông Lâm Văn C xây dựng nhà, ông C còn hỏi mua thêm của ông (khoảng 2-3m chiều ngang, 06 mét chiều dài) nhưng ông không đồng ý bán. Ông vẫn chưa được Nhà nước cấp GCNQSDĐ. Hiện nay, ông Lê Văn Ng và ông Lâm Văn C đang tranh chấp phần đất liên quan đến diện tích ông nhận chuyển nhượng của ông Lâm Văn C thì ông có ý kiến như sau: Việc tranh chấp đất giữa ông Lâm Văn C và ông Lê Văn Ng để Tòa án giải quyết, ông không tham gia ở vụ kiện này, sau này có phát sinh tranh chấp giữa ông và ông Lê Văn Ng thì ông sẽ khởi kiện ở vụ án khác. Do phải đi làm ăn xa nên ông xin được vắng mặt tại buổi hòa giải, xét xử.

Trong quá trình tố tụng tại cấp cơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông/bà gồm ông Lê Xuân Đ, bà Lê Thị Song Ch, bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Các ông, bà Lê Xuân Đ, Lê Thị Song Ch, Nguyễn Thị Thu H đề nghị giải quyết vắng mặt tại cấp sơ thẩm, và các ông, bà không có bất kỳ ý kiến gì thêm về việc tranh chấp đất giữa ông Lê Văn Ng và ông Lâm Văn C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 13/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ:

Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc kiện đòi đất do lấn chiếm đối với diện tích 53m^2.

Buộc vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H phải trả cho hộ ông Lê Văn Ng (ông Lê Văn Ng sẽ là người đại diện nhận thay) số tiền 10.600.000đồng.

Vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H được quyền sử dụng 53m^2, thuộc một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 22-3, tại thôn Tri Thủy 2, xã Tri Hải, huyện Ninh Hải.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 22-3 theo quyết định của Tòa án.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc kiện đòi bị đơn phải trả lại 102m^2 đường mương.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định giá, nghĩa vụ chịu án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự đối với bản án sơ thẩm.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, ông Lê Văn Ng kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; không khách quan, áp dụng pháp luật không đúng vì diện tích 53m^2 đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Lê Văn Ng nhưng ông Lâm Văn C lấn, chiếm xây dựng công trình trên đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn chỉ kháng cáo phần diện tích 53m^2 và yêu cầu được nhận bằng đất. Xét thấy: Bị đơn sử dụng, lấn chiếm đất của nguyên đơn trái pháp luật nhưng bị đơn đã xây dựng nhà kiên cố trên đất nên không thể tháo dỡ nhà để trả đất. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả giá trị đất bị lấn chiếm là hợp lý nên đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm; bác kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Phiên tòa được mở lần thứ hai, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 khoản 3 của Bộ luật tố tụng dân sự theo quan điểm của Kiểm sát viên.

[1.2] Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án. Nguyên đơn xác định kháng cáo một phần bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc vợ chồng bị đơn tháo dỡ nhà để trả lại diện tích đất 53m^2. Nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận giải quyết vụ án.

[2] Các đương sự tranh luận:

[2.1] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn – người kháng cáo tranh luận: Tòa án cấp sơ thẩm không công khai chứng cứ là trích lục thửa đất; Bị đơn lấn chiếm đất trái pháp luật để xây dựng nhà nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc trả tiền là không đúng pháp luật; 53m^2 đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn hoàn trả giá trị cho nguyên đơn chỉ hơn 10.000.000đ là không thỏa đáng.

[2.2] Đại diện hợp pháp của bị đơn tranh luận: Thực chất phần diện tích đất 53m^2 không phải của nguyên đơn vì nguyên đơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn

[3.1] Phần diện tích đường mương dẫn nước nguyên đơn tranh chấp với bị đơn là 102m^2, được Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ, xác định thuộc đất công do UBND xã Tri Hải quản lý nên bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Ng là đúng. Ông Lê Văn Ng không kháng cáo nội dung này.

[3.2] Phần diện tích 53m^2 nguyên đơn khởi kiện, kháng cáo có nguồn gốc do ông Lê Văn Ng khai phá thêm sau khi ông Ng nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Thái B theo giấy viết tay ngày 07/7/1999, phù hợp vị trí, tự cận trong giấy chuyển nhượng: Đông giáp thổ mộ; Tây giáp đìa; Nam giáp rẫy Mười Bụi; Bắc giáp rẫy ông Đèn. Giấy chuyển nhượng không ghi diện tích nhưng trang sau được địa chính xã là ông Trần L xác nhận ngày 26/9/1999, diện tích 0,3ha đất màu; Chủ tịch UBND xã Tri Hải ký đóng dấu xác nhận. Ông Lê Văn Ng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 98 diện tích 2849m^2, tờ bản đồ số 01, trong đó diện tích ao là: 2710m^2, diện tích bờ là: 139m^2. Theo sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mặt hướng bắc giáp mương. Các hướng còn lại là bờ đìa của ông Ng. Diện tích đất hiện nay theo kết quả thẩm định (bút lục số

180a) tăng 1789m^2 ở hướng nam và đông. Theo giấy mua đất hướng đông giáp thổ mộ, hướng nam giáp rẫy Mười Bụi nên đây là diện tích ông Ng khai hoang, không lấn chiếm về hướng bắc (tiếp giáp đất ông T sau này chuyển nhượng cho vợ chồng ông C, bà H). Phần diện tích đất 53m^2 thuộc diện tích khai hoang thêm tuy chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Ng nhưng được quy chủ, đăng ký trong sổ theo dõi đất đai của địa phương, thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Lê Văn Ng.

[3.3] Phần diện tích 53m^2 có mặt hướng bắc tiếp giáp mặt hướng nam của thửa đất vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H đang sử dụng. Vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H nhận quyền nhượng đất của ông Trần Ngọc T. Ranh giới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Ngọc T hướng năm giáp ranh giới hướng bắc của hộ ông Lê Văn Ng được các bên sử dụng ổn định từ trước khi chuyển nhượng cho vợ chồng ông C, bà H là một đường thẳng. Trên phần diện tích đất của ông T chuyển nhượng cho vợ chồng ông C có một nhà (nhà xây dựng canh giữ đìa tôm) được xây đúng ranh giới. Sau này, vợ chồng ông C, bà H cơi nới, mở rộng sang hướng nam (tiếp giáp hướng bắc đất của ông Ngọc), sử dụng không đúng ranh giới, lấn chiếm diện tích 53m^2 của ông Ng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông C, bà H lấn, chiếm đất của ông Ng 53m^2 là có căn cứ. Vợ chồng ông C, bà H không kháng cáo.

[3.4] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn tháo dỡ vì cho rằng việc tháo dỡ sẽ gây ảnh hưởng đến kết cấu chung của căn nhà và buộc bị đơn bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất 53m^2. Tuy nhiên, Tòa án áp dụng giá trị quyền sử dụng đất để tuyên buộc vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H trả cho ông Lê Văn Ng số tiền 10.600.000đ tương đương 53m^2 đất là không đảm bảo quyền lợi cho ông Lê Văn Ng, vì: Năm 2021, Tòa án định giá đất tranh chấp 2.500.000đ/m^2 x 53m^2 =132.500.000đ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vụ án ra giải quyết theo giá thị trường vào thời điểm năm 2021; cho đến năm 2023, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành định giá lại, xác định giá đất là 200.000đ/m^2 nhưng chưa cho các bên thỏa thuận lại giá đất trước khi định giá lại từ đó áp dụng giá đất 200.000đ/m^2 x 53m^2 =10.600.000đ để buộc vợ chồng ông C, bà H hoàn trả cho ông Ng là không hợp lý. Tòa án cấp phúc thẩm dùng giá trung bình theo kết luận hai lần định giá của Tòa án cấp sơ thẩm, xác định giá trị quyền sử dụng đất là 1.350.00đ/m^2 x 53m^2 =71.550.000đ, để buộc vợ chồng ông

Lâm Văn C, bà Phạm Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Văn Ng. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Ng, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Chi phí thẩm định, định giá được giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do sửa bản án nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H phải liên đới chịu 3.577.500đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Văn Ng không phải chịu án phí sơ thẩm được hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 308, Điều 313 khoản 6, Điều 148 khoản 2 của BLTTDS; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Ng, sửa bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ng đối với bị đơn ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H, tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất 53m^2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ng tranh chấp 102m^2 đất đường mương dẫn nước.

2.1. Vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H hiện đang chiếm hữu, sử dụng diện tích đất 53m^2 được quyền sử dụng và công nhận quyền sử dụng 53m^2 đất cho vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H. Vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H được quyền đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích 53m^2 thuộc một phần thửa đất số 24 tờ bản đồ số 22-3 tại thôn Tri Thủy, xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Vị trí, ranh mốc giới đất theo trích lục kèm bản án sơ thẩm.

2.2. Vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H có nghĩa vụ liên đới không phân chia phần hoàn trả giá trị quyền sử dụng 53m^2 đất cho hộ ông Lê Văn Ng (do ông Lê Văn Ng đại diện) số tiền 71.550.000đ *(Bảy mươi mốt triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).* Hộ gia đình ông Lê Văn Ng gồm: Ông Lê Văn Ng, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lê Xuân Đ, bà Lê Thị Song Ch.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

3. Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu 6.814.921đ, các bên đã nộp đủ tiền.

4. Nghĩa vụ chịu án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm:

- Miễn án phí cho ông Lê Văn Ng; Hoàn trả cho ông Lê Văn Ng 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0021348 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải.

- Vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Phạm Thị H phải liên đới không phân chia phần chịu: 3.577.500đ.

4.2. Án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn Ng không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải;
- Các Đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hàng Lâm Viên